**BẢN CÔNG BỐ TRUNG TÂM DỮ LIỆU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại Hà Nội

4. Điện thoại: 024.37831800 Fax: 024.37831734 Website:www.mobifone.vn

**Phần 2. Mô tả về hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông**

1. **Loại hình dịch vụ viễn thông cung cấp: dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ trung tâm dữ liệu.**
   1. ***Dịch vụ trung tâm dữ liệu***

a) Loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp

* Dịch vụ trung tâm dữ liệu: Dịch vụ cho thuê vị trí lắp đặt thiết bị trong Trung tâm dữ liệu (Co-location) và các dịch vụ khác kèm theo như dịch vụ Truyền dẫn, dịch vụ Managed Service, dịch vụ An ninh mạng.

b) Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới:

* Khách hàng Doanh nghiệp;
* Khách hàng cá nhân;
* Cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.
  1. ***Dịch vụ điện toán đám mây***
     1. Loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp:

Dịch vụ điện toán đám mây (Cloud), bao gồm nhưng không giới hạn trong các sản phẩm cụ thể sau:

MobiFone Cloud Server, MobiFone Cloud GPU Server, MobiFone Cloud VPS, MobiFone Block Storage, MobiFone Object Stroage, MobiFone File Storage, MobiFone Load Balancer, MobiFone Cloud VPN, MobiFone Cloud Backup, MobiFone Cloud Database, MobiFone Cloud Firewall, Virtual Private Cloud, Kubernetes-as-a-Service, Container Registry, MobiFone Auto Scaling, MobiFone Monitoring, MobiFone Anti-DdoS, MobiFone Cloud WAF, MobiFone DNS, MobiFone IAM, MobiFone Cloud Business Email, MobiFone Hosting and Domain Name, MobiFone Drive, MobiCloud, MobiFone Cloud Market

* + 1. Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới:
* Khách hàng Doanh nghiệp;
* Khách hàng cá nhân;
* Cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

1. **Mô tả thông tin về hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông.**
   * 1. ***Thông tin về các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam được sử dụng để cung*** ***cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu***:

Hiện tại Tổng công ty viễn thông MobiFone đang sở hữu, quản lý 11 trung tâm dữ liệu, bao gồm:

| **STT** | **Tên Trung tâm dữ liệu** | **Địa chỉ Trung tâm dữ liệu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Data Center Yên Hòa | Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội |
| 2 | Data Center Giáp Bát | Số 811A Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội |
| 3 | Data Center Phạm Văn Đồng | Số 87 Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng |
| 4 | Data Center Nguyễn Hữu Thọ | Số 586 Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. |
| 5 | Data Center An Đồn | Đường số 2, Khu công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng |
| 6 | Data Center Node 3 | 77A Đ. Trương Văn Thành, Phường Tân Phú, Thủ Đức, Hồ Chí Minh |
| 7 | Data Center C30 | Tòa nhà MobiFone - MM 18, đường Trường Sơn, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. |
| 8 | Data Center Đồng Nai | 236A Đ. Phan Trung, Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai |
| 9 | Data Center Bình Dương | 324 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |
| 10 | Data Center Cần Thơ | Khu Công ty Xây dựng, 8 Đ. Số 22, Khu dân cư Đô Thị Mới Hưng Phú, Phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ |
| 11 | Data Center Tiền Giang | 114 Hoàng Sa, Phường 6, Mỹ Tho, Tiền Giang |

* + 1. ***Thông tin chi tiết về hạ tầng trung tâm dữ liệu sở hữu, quản lý hoặc đi thuê được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu***:
    2. Thông tin về hạ tầng trung tâm dữ liệu sở hữu

| **STT** | **Tên trung tâm dữ liệu** | **Diện tích mặt sàn (m2)** | **Số lượng tủ Rack có thể cung cấp** | **Công suất IT thiết kế (MW)** | **Công suất IT tiêu thụ thực tế (MW)** | **Chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE)** | **Thời gian xây dựng và đi vào hoạt động** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Data Center Yên Hòa | 7.200 | 800 | 4 | 1,8 | 1,5 - 1,8 | 2010 |
| 2 | Data Center Giáp Bát | 4.500 | 500 | 2,5 | 1,3 | 1,5 - 1,8 | 1999 |
| 3 | Data Center Phạm Văn Đồng | 4.500 | 500 | 2,5 | 0,5 | 1,5 - 1,7 | 2023 |
| 4 | Data Center Nguyễn Hữu Thọ | 7.200 | 800 | 4 | 1 | 1,5 – 1,7 | 2023 |
| 5 | Data Center An Đồn | 4.500 | 500 | 2,5 | 1,2 | 1,5 - 1,8 | 2008 |
| 6 | Data Center Node 3 | 9.000 | 1.000 | 5 | 1,5 | 1,5 | 2022 |
| 7 | Data Center C30 | 8.100 | 900 | 4,5 | 1,2 | 1,5 - 1,8 | 2002 |
| 8 | Data Center Đồng Nai | 4.500 | 500 | 2,5 | 0,4 | 1,5 - 1,8 | 2020 |
| 9 | Data Center Bình Dương | 4.500 | 500 | 2,5 | 0,5 | 1,5 - 1,8 | 2020 |
| 10 | Data Center Cần Thơ | 4.500 | 500 | 2,5 | 0,4 | 1,5 - 1,8 | 2018 |
| 11 | Data Center Tiền Giang | 4.500 | 500 | 2,5 | 0,2 | 1,5 - 1,8 | 2021 |

1. **Thông tin về kết nối Internet của các trung tâm dữ liệu do doanh nghiệp sở hữu, quản lý:**

Tổng công ty viễn thông MobiFone đang cung cấp, vận hành dịch vụ dựa trên hạ tầng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Trung tâm dữ liệu** | **Tên băng thông kết nối sử dụng** | | | | **Băng thông thiết kế Gps** |
| **Băng thông quốc tế (Gps)** | | **Băng thông trong nước (Gps)** | |
| Đến | Đi | Đến | Đi |
| 1 | Data Center Yên Hòa | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 2 | Data Center Giáp Bát | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 3 | Data Center Phạm Văn Đồng | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 4 | Data Center Nguyễn Hữu Thọ | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 5 | Data Center An Đồn | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 6 | Data Center Node 3 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 7 | Data Center C30 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 8 | Data Center Đồng Nai | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 9 | Data Center Bình Dương | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 10 | Data Center Cần Thơ | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |
| 11 | Data Center Tiền Giang | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 100-1000 | 1.000 |

1. **Mô tả các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan**
2. ***Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng đối với dịch vụ Trung tâm dữ liệu***
3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn

Tổng công ty viễn thông MobiFone đã thực hiện công bố sự phù hợp của các trung tâm dữ liệu nêu trên với các tiêu chuẩn, quy chuẩn ban hành theo Thông tư 03/2013/TT-BTTTT và Thông tư 23/2022/TT-BTTTT

Cụ thể:

| **STT** | **Tên trung tâm dữ liệu** | **Tiêu chuẩn, Quy chuẩn** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Data Center Yên Hòa | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated III (đang thực hiện thủ tục đánh giá để lấy chứng nhận.)  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 2 | Data Center Giáp Bát | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated II.  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 3 | Data Center Phạm Văn Đồng | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated III (đang thực hiện thủ tục đánh giá để lấy chứng nhận.)  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 4 | Data Center Nguyễn Hữu Thọ | 1. Thiết kế và triển khai theo Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated III . Đang thực hiện thủ tục đánh giá để lấy chứng nhận 2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 5 | Data Center An Đồn | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated II.  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 6 | Data Center Node 3 | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated III.  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 7 | Data Center C30 | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated III (đang thực hiện thủ tục đánh giá để lấy chứng nhận.)  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 8 | Data Center Đồng Nai | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated II.  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 9 | Data Center Bình Dương | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated II.  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 10 | Data Center Cần Thơ | 1.Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated II.  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |
| 11 | Data Center Tiền Giang | 1. Tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017 rated II.  2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT; 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, ký hiệu QCVN 06:2021/BXD.  5. Tiêu chuẩn TCVN 9250:2021 quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu. |

1. Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) mà doanh nghiệp cung cấp
2. **Cam kết về hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian phản hồi dịch vụ | 2 giờ |
| Giờ hỗ trợ dịch vụ | Hỗ trợ 24/7 |

1. **Mức độ bảo mật: Cao**

Cam kết thực hiện chính sách bảo mật thông tin ISO 27001

* Thủ tục đăng ký ra vào tại tòa nhà
* Thủ tục đăng ký ra vào tại trung tâm dữ liệu
* Toàn bộ các phòng chức năng của trung tâm dữ liệu được bảo mật qua hệ thống kiểm soát ra vào được xác thực bằng vân tay, thẻ từ
* Hệ thống camera giám sát hoạt động 24/7

1. **Cam kết kỹ thuật**

Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật như đề cập tại mục 4.1a)

1. ***Mô tả thông tin về chất lượng (đối với dịch vụ Điện toán đám mây)***
2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn

| **Tiêu chuẩn** | **Nội dung** | **Thời điểm áp dụng** |
| --- | --- | --- |
| ISO 27001 | Chứng chỉ công nhận dịch vụ Điện toán đám mây ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin | Năm 2023 |
| ISO 9001:2015 | Chứng chỉ công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quản lý chất lượng quốc tế | Năm 2023 |
| ANSI/TIA-942 rated III | Chứng chỉ công bố sự phù hợp của vị trí, kiến trúc, an ninh, an toàn chống cháy, điện, cơ khí và viễn thông của Trung tâm dữ liệu đáp ứng các tiêu chuẩn Quốc tế | Năm 2024 |
| TCVN 9250:2021 | Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu và phòng máy tính, bao gồm cả các trung tâm dữ liệu doanh nghiệp thuê riêng và các trung tâm dữ liệu nhiều người thuê, tuân thủ theo quy định tại thông tư 23/2022/TT-BTTTT ngày 30/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu. | 2021 |

1. Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) đối với từng dịch vụ cung cấp

| **STT** | **Dịch vụ** | **Cam kết chất lượng (SLA) – Độ khả dụng** |
| --- | --- | --- |
| 1 | MobiFone Cloud Server | ≥ 99,95% |
| 2 | MobiFone Cloud GPU Server | ≥ 99,95% |
| 3 | MobiFone Cloud VPS | ≥ 99,95% |
| 4 | MobiFone Block Storage | ≥ 99,95% |
| 5 | MobiFone Object Stroage | ≥ 99,95% |
| 6 | MobiFone File Storage | ≥ 99,95% |
| 7 | MobiFone Load Balancer | ≥ 99,95% |
| 8 | MobiFone Cloud VPN | ≥ 99,95% |
| 9 | MobiFone Cloud Backup | ≥ 99,95% |
| 10 | MobiFone Cloud Database | ≥ 99,95% |
| 11 | MobiFone Cloud Firewall | ≥ 99,95% |
| 12 | Virtual Private Cloud | ≥ 99,95% |
| 13 | Kubernetes-as-a-Service | ≥ 99,95% |
| 14 | Container Registry | ≥ 99,95% |
| 15 | MobiFone Auto Scaling | ≥ 99,95% |
| 16 | MobiFone Anti-DdoS | ≥ 99,95% |
| 17 | MobiFone Cloud WAF | ≥ 99,95% |
| 18 | MobiFone DNS | ≥ 99,95% |
| 19 | MobiFone IAM | ≥ 99,95% |
| 20 | MobiFone Cloud Business Email | ≥ 99,95% |
| 21 | MobiFone Hosting and Domain Name | ≥ 99,95% |
| 22 | MobiFone Monitoring | ≥ 99,95% |
| 23 | MobiFone Drive | ≥ 99,95% |
| 24 | MobiCloud | ≥ 99,95% |
| 25 | Cloud Market | ≥ 99,95% |

*Ghi chú: Công thức tính độ khả dụng được mô tả tại Phụ lục đính kèm.*

1. **Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin**
2. ***Kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông***

a) Để tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật Viễn thông về việc ngừng khẩn cấp cung cấp dịch vụ viễn thông trong trường hợp có bạo loạn, sử dụng dịch vụ viễn thông nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xâm phạm an ninh quốc gia theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tổng công ty Viễn thông MobiFone xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

* Xây dựng quy trình tiếp nhận yêu cầu: Tổng công ty Viễn thông MobiFone đã xây dựng quy phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc đảm bảo An toàn thông tin mạng, an ninh mạng. Trong đó quy định quá trình tiếp nhận yêu cầu ngừng dịch vụ khẩn cấp từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật), đảm bảo thông tin được xác thực, tiếp nhận nhanh chóng và chính xác. Quy chế này quy định rõ hình thức tiếp nhận (văn bản, điện thoại, thư điện tử), các thông tin cần thiết trong yêu cầu, thời gian phản hồi và xác nhận yêu cầu.
* Triển khai hệ thống kỹ thuật: Tổng công ty Viễn thông MobiFone đã và đang trang bị hệ thống kỹ thuật có khả năng can thiệp, ngừng dịch vụ nhanh chóng đối với các đối tượng cụ thể theo yêu cầu. Hệ thống này có khả năng:

+ Ngừng dịch vụ theo từng loại dịch vụ, theo địa bàn, khu vực, theo đối tượng sử dụng hoặc theo danh sách cụ thể.

+ Giám sát và ghi nhận các hoạt động liên quan đến việc ngừng dịch vụ.

+ Đảm bảo an toàn và bảo mật trong quá trình thực hiện.

+ Có khả năng khôi phục dịch vụ nhanh chóng sau khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

* Tổng công ty Viễn thông MobiFone phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận và cá nhân liên quan đến việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu ngừng dịch vụ, bao gồm:

+ Bộ phận tiếp nhận yêu cầu: đảm bảo tiếp nhận thông tin kịp thời và xác thực.

+ Bộ phận kỹ thuật: thực hiện ngừng và khôi phục dịch vụ theo đúng yêu cầu và quy trình.

+ Bộ phận pháp chế: đảm bảo tính hợp pháp và tuân thủ các quy định pháp luật.

+ Bộ phận chất lượng: đảm bảo việc thực hiện đúng quy trình và ghi nhận kết quả.

* Tổng công ty Viễn thông MobiFone tổ chức đào tạo định kỳ cho nhân viên về quy trình tiếp nhận và thực hiện ngừng dịch vụ khẩn cấp, đồng thời thực hiện các buổi diễn tập để nâng cao khả năng phối hợp và xử lý tình huống.
* Tổng công ty Viễn thông MobiFone thiết lập cơ chế báo cáo rõ ràng, kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quá trình và kết quả thực hiện ngừng dịch vụ theo yêu cầu.

b) Để tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động viễn thông, cụ thể là các yêu cầu tại Điều 15 Nghị định 163/2024/NĐ-CP, Tổng công ty Viễn thông MobiFone xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

* Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin mạng viễn thông:

+ Tổng công ty Viễn thông MobiFone thực hiện đánh giá, phân loại cấp độ an toàn thông tin cho hệ thống mạng viễn thông, trung tâm dữ liệu và các dịch vụ.

+ Xây dựng và triển khai các biện pháp bảo mật theo cấp độ, tuân thủ TCVN 11930:2017 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

+ Trang bị và vận hành các giải pháp bảo mật như: Firewall, IPS/IDS, WAF, Antivirus, Anti-DDoS, mã hóa dữ liệu, xác thực đa yếu tố.

+ Triển khai các biện pháp giám sát, phát hiện sớm các dấu hiệu tấn công, sự cố, đồng thời thiết lập quy trình xử lý sự cố, khôi phục hệ thống.

+ Định kỳ kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các biện pháp bảo mật và có điều chỉnh khi cần thiết.

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng (Bộ Công An) trong việc điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

Bảo đảm an toàn thông tin cho người sử dụng đầu cuối:

+ Tổng công ty Viễn thông MobiFone cung cấp thông tin, hướng dẫn về an toàn thông tin cho người sử dụng dịch vụ.

+ Triển khai các công cụ, trang thiết bị và biện pháp bảo mật trên hệ thống để bảo vệ thông tin của người dùng.

+ Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan chức năng về bảo mật thông tin cho người sử dụng dịch vụ.

* Ngăn chặn, xử lý thông tin vi phạm pháp luật:

+ Tổng công ty Viễn thông MobiFone chủ động giám sát, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trên mạng viễn thông do mình quản lý.

+ Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công An, Bộ Khoa học Công nghệ để ngăn chặn, xử lý thông tin vi phạm theo quy định của pháp luật.

+ Thiết lập quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ cơ quan chức năng, đảm bảo phản hồi và thực hiện trong thời gian quy định.

* Bảo đảm thiết bị mạng tuân thủ tiêu chuẩn: Tổng công ty Viễn thông MobiFone cam kết lựa chọn và sử dụng thiết bị mạng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng thiết bị mạng định kỳ để đảm bảo tính an toàn và tuân thủ quy định. Cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới nhất và thực hiện theo.

1. ***Kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin***

a) Để tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng cho trung tâm dữ liệu, đặc biệt là Điều 13 Nghị định 85/2016/NĐ-CP, Điều 9, Điều 10 Thông tư 12/2022/TT-BTTTT và TCVN 11930:2017, Tổng công ty Viễn thông MobiFone xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

- Xác định cấp độ an toàn thông tin cho trung tâm dữ liệu: Tổng công ty Viễn thông MobiFone tiến hành đánh giá chi tiết về hệ thống thông tin của các trung tâm dữ liệu theo hướng dẫn tại Điều 13 Nghị định 85/2016/NĐ-CP. Dựa trên kết quả đánh giá, Tổng công ty Viễn thông MobiFone xác định cấp độ an toàn thông tin cho từng trung tâm dữ liệu, đảm bảo phù hợp với quy mô, tính chất và mức độ quan trọng của hệ thống thông tin. Tổng công ty Viễn thông MobiFone xây dựng đề xuất cấp độ an toàn thông tin cho trung tâm dữ liệu và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ:

+ Căn cứ theo cấp độ an toàn thông tin đã được xác định, Tổng công ty Viễn thông MobiFone sẽ triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư 12/2022/TT-BTTTT.

+ Phương án bao gồm các biện pháp kỹ thuật, quản lý, nhân sự và các biện pháp khác nhằm bảo vệ hệ thống thông tin của trung tâm dữ liệu.

+ Các biện pháp kỹ thuật sẽ được triển khai theo hướng dẫn chi tiết tại TCVN 11930:2017, bao gồm:

* Kiểm soát truy cập: Xác thực đa yếu tố, phân quyền truy cập, quản lý tài khoản.
* Bảo vệ hệ thống: Tường lửa, IPS/IDS, phòng chống virus, mã hóa dữ liệu.
* Giám sát an ninh: Giám sát nhật ký, giám sát lưu lượng mạng, phát hiện xâm nhập.
* Ứng cứu sự cố: Xây dựng quy trình ứng cứu, khôi phục hệ thống sau sự cố.

+ Các biện pháp quản lý bao gồm:

* Xây dựng chính sách an toàn thông tin, quy trình, quy định.
* Đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn thông tin.
* Kiểm tra, đánh giá định kỳ hệ thống an toàn thông tin.
* Đảm bảo tuân thủ liên tục:

+ Tổng công ty Viễn thông MobiFone sẽ thường xuyên cập nhật, rà soát các quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng để đảm bảo luôn tuân thủ.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ, và có điều chỉnh khi cần thiết để đảm bảo tính hiệu quả của các biện pháp an toàn thông tin.

* Các Tiêu chuẩn, quy chuẩn An toàn thông tin Tổng công ty Viễn thông MobiFone đang áp dụng

| **Tiêu chuẩn** | **Nội dung** | **Thời điểm áp dụng** |
| --- | --- | --- |
| ISO 27001:2022 | Chứng chỉ công nhận dịch vụ Trung tâm dữ liệu đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin | 2023 |
| ISO 27017:2015 | Chứng chỉ công nhận dịch vụ điện toán đám mây Cloud đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin | 2025 |
| ISO 27018:2019 | Chứng chỉ công nhận hệ thống đáp ứng các yêu cầu về Bảo vệ thông tin nhận dạng cá nhân PII trên môi trường cloud | 2025 |
| ISO 9001:2015 | Chứng chỉ công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quản lý chất lượng quốc tế | 2023 |
| ANSI/TIA-942 | Chứng chỉ công bố sự phù hợp của vị trí, kiến trúc, an ninh, an toàn chống cháy, điện, cơ khí và viễn thông đáp ứng các tiêu chuẩn Quốc tế | 2024 |
| TCVN 9250:2021 | Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các trung tâm dữ liệu và phòng máy tính, bao gồm cả các trung tâm dữ liệu doanh nghiệp thuê riêng và các trung tâm dữ liệu nhiều người thuê, tuân thủ theo quy định tại thông tư 23/2022/TT-BTTTT ngày 30/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu. | 2021 |

* Phương án kỹ thuật, nghiệp vụ đang áp dụng:

Tổng công ty Viễn thông MobiFone triển khai đồng bộ các biện pháp bảo mật đa lớp, bao gồm:

+ Bảo vệ Endpoint: EDR (Endpoint Detect & Response), Anti Virus.

+ Bảo vệ Mạng: Firewall cho Core và Cloud, DDoS Protection Layer 3/4 (kết hợp giải pháp hãng và tự phát triển), Web Application & API Protection (tích hợp DDoS L7), Security Sensor (giám sát ATTT tại 3 DC, thống kê lưu lượng và activity).

+ Giám sát & Phản ứng: Threat Intelligence (giám sát 24/7), Incident Response (đội ứng cứu sự cố).

+ Quản lý truy cập & Bảo mật: PAM (Privileged Access Management), VPN, SIEM (Security Information and Event Management).

* Phương án kỹ thuật, nghiệp vụ dự kiến áp dụng:

Tổng công ty Viễn thông MobiFone tiếp tục hoàn thiện hệ thống bảo mật, bao gồm:

+ Chuẩn hóa: Nâng cấp quy trình, quy định

+ Tăng cường bảo mật: Hoàn thiện và áp dụng PAM, VPN, SIEM.

b) Để tuân thủ Khoản 4 Điều 80 Nghị định 147/2024/NĐ-CP, Tổng công ty Viễn thông MobiFone xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

- Ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm:

+ Tổng công ty Viễn thông MobiFone thiết lập hệ thống tiếp nhận yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật từ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) qua các hình thức: văn bản, điện thoại, thư điện tử.

+ Xây dựng quy trình xử lý yêu cầu, đảm bảo thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

+ Phân công bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm tiếp nhận, xác thực, và thực hiện các yêu cầu từ cơ quan chức năng.

+ Trang bị hệ thống kỹ thuật có khả năng can thiệp và ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung vi phạm một cách nhanh chóng, chính xác.

* Từ chối hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ:

Tổng công ty Viễn thông MobiFone thiết lập quy trình từ chối cung cấp hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet và các dịch vụ khác đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi đăng tải thông tin vi phạm pháp luật trên mạng, theo yêu cầu của Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao).

+ Quy trình quy định rõ các trường hợp phải từ chối hoặc tạm ngừng dịch vụ, thời gian thực hiện, và các thủ tục liên quan.

+ Đảm bảo việc từ chối hoặc tạm ngừng dịch vụ được thực hiện đúng quy định của pháp luật, có thông báo rõ ràng và đầy đủ đến các đối tượng liên quan.

* Kết nối, điều phối và báo cáo:

+ Tổng công ty Viễn thông MobiFone sẽ xây dựng hệ thống kỹ thuật để kết nối, nhận yêu cầu điều phối từ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao).

+ Thiết lập hệ thống báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của cơ quan chức năng một cách nhanh chóng và chính xác.

+ Đảm bảo tuân thủ các quy định về kết nối, điều phối và báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |